TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/KDTM-PT
Ngày: 28-4-2022
V/v "*V/v tranh chấp HĐ tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Đăng**

Các Thẩm phán: Bà **Sơn Nữ Phà Ca**

Ông **Phạm Trường Thọ**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê M Khương** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà **Nguyễn Quế Hảo -** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công KH vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số: 01/2022/KDTM-PT ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 13/2021/KDTM-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân TPVL, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ngân hàng D.

Trụ sở chính: Số 28C-28D, phố BT, phường HB, quận HK, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh Hương – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đinh Văn V**, sinh năm 1979 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ của Ngân hàng D (văn bản ủy quyền số 144/2021/UQ-NCB, ngày 29/12/2021). Có mặt

+ Bị đơn: Công ty B2; trụ sở tại số 73/19A, đường PCĐ, Phường A,

thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Thanh PH - Chức vụ: Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Huỳnh Chí V, sinh năm 1987; địa chỉ số 89/51/11, đường 8/3, Phường 5, TPVL, tỉnh Vĩnh Long (văn bản ủy quyền ngày 08/7/2019). Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư, Nguyễn Đoàn Bá D– Văn phòng Luật sư KN, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1971; địa chỉ số 13, ấp SĐ, xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

2/ Tào Xíu B; địa chỉ ấp SĐ, xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

3/ Hồ Minh CH, Hồ Minh T2, Hồ Minh T3 (chồng và con của Nguyễn Thị Tuyết Tâm chết); cùng địa chỉ số 246A, ấp SĐ, xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

4/ Bà Quan Thị B2; địa chỉ số 18A, ấp SĐ, xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền cho bà B2:

- Nguyễn Thị Tuyết T4, sinh năm 1979; địa chỉ số 18A, ấp SĐ, xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long, văn bản ủy quyền ngày 06/9/2019; có mặt
- Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1964; địa chỉ ấp SĐ, xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long, văn bản ủy quyền ngày 06/9/2019. Vắng mặt
- Nguyễn Phú Kh, sinh năm 1957; địa chỉ số 337, quốc lộ 80, khóm PH, thị trấn CTH, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp, văn bản ủy quyền ngày 07/12/2021. Có mặt

5/ Ông Quan Phát C, sinh năm 1946; địa chỉ số 32/2, ấp SĐ, xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt

6/ Quan Nhựt L, sinh năm 1971 (con Quan Trước Anh chết); địa chỉ ấp SĐ, xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt

7/ bà Nguyễn Hồng C2, sinh năm 1951; địa chỉ số 35/2, ấp SĐ, xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Quan Văn C gồm:

1/ Bà Nguyễn Hồng C2, sinh năm 1951;

2/ Ông Quan Cảnh K, sinh năm 1977.

3/ Bà Quan Quế Tr, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ số 35/2, ấp SĐ, xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C2, ông K là bà Quan Quế Tr (Văn bản ủy quyền ngày 08/4/2022). Có mặt

8/ Quan Tứ C, sinh năm 1962; địa chỉ số 30/2, ấp SĐ, xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt

9/ Quan Thị NH, sinh năm 1951; địa chỉ số 32/2, ấp SĐ, xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tứ C và bà NH: Nguyễn Phú KH, sinh năm 1957; địa chỉ số 337, quốc lộ 80, khóm PH, thị trấn CTH, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp, văn bản ủy quyền ngày 19/8/2019. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 22/3/2019 của nguyên đơn, cùng các lời KH **trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đinh Văn V đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:**

Ngày 06/5/2011, Ngân hàng D (viết tắt là Ngân hàng) (trước đây là Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam V) có ký kết với Công ty B2 (viết tắt là Công ty Biofeed 2) Hợp đồng tín dụng trung/dài hạn số 023/11/HĐTD/113-11, sau đó hai bên tiếp tục ký kết các Phụ lục hợp đồng tín dụng số 023-1/11/PLHĐTD/113-11, ngày 14/9/2011; số 023-2/11/PLHĐTD/113-11, ngày 14/10/2011; số 023-3/12/PLHĐTD/113-11, ngày 14/6/2012 và số 01/12/023, ngày 20/6/2012 để vay số tiền 4.275.996USD (Bốn triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn chín trăm chín mươi sáu đô la Mỹ), nhưng Ngân hàng mới giải ngân 06 kỳ bằng 981.478USD (Chín trăm tám mươi mốt ngàn bốn trăm bảy mươi tám đô la Mỹ); thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân 06/5/2011; lãi suất 9,58%/năm và được điều chỉnh theo Điều 2 của hợp đồng và phụ lục hợp đồng tín dụng; mục đích vay để đầu tư thực hiện dự án nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu Biofeed 2.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán, Công ty đã ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 014/11/HĐTC-BĐS/113-11, ngày 14/10/2011. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 856941 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 23/8/2011, thuộc thửa số 1537, tờ bản đồ số 3, diện tích 30.045,9m^2, loại đất cơ sở sản xuất, kinh doanh, tọa lạc tại ấp SĐ, xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông V đại diện nguyên đơn khẳng định bị đơn chỉ thế chấp quyền sử dụng đất, không thế chấp tài sản trên đất.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 31/12/2021, bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền gốc là 981.377USD, tương đương 22.752.244.368 đồng V Nam (01 USD = 23.184 đồng V Nam) và tiền lãi bằng 1.628.485USD tương đương 37.754.796.240 V Nam đồng, tổng cộng gốc, lãi bằng 2.609.862USD, quy đổi ra tiền V Nam đồng bằng 60.507.040.608đ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn các khoản tiền gốc, lãi như trên và tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp bị đơn không khả năng thanh toán thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp gồm quyền sử dụng đất thửa số 1537, tờ bản đồ số 3, diện tích 30.045,9m^2, loại đất cơ sở sản xuất, kinh doanh, tọa lạc tại ấp SĐ, xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long để thanh toán nợ cho nguyên đơn; tại phiên tòa ông V đại diện cho nguyên đơn khẳng định bị đơn không có thế chấp tài sản trên đất, nên không yêu cầu phát mãi tài sản trên đất.

Tại Biên bản hòa giải ngày 19/7/2019, cùng các lời KH **trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Huỳnh Chí Vinh đại diện hợp pháp cho bị đơn trình bày**:

Ông Vinh thừa nhận lời trình bày của ông V là hoàn toàn đúng, Công ty B2 có ký kết Hợp đồng tín dụng trung/dài hạn số 023/11/HĐTD/113-11, ngày 06/5/2011 và các Phụ lục hợp đồng tín dụng số 023-1/11/PLHĐTD/113-11, ngày 14/9/2011; số 023-2/11/PLHĐTD/113-11, ngày 14/10/2011; số 023-3/12/PLHĐTD/113-11, ngày 14/6/2012 và số 01/12/023, ngày 20/6/2012.

Tính đến ngày 31/12/2021, Công ty B2 còn nợ Ngân hàng D tổng cộng tiền gốc và tiền lãi bằng 2.609.862USD, quy đổi ra tiền V Nam đồng bằng 60.507.040.608đ. Nay ông đại diện cho bị đơn đồng ý hoàn trả cho nguyên đơn số tiền gốc 981.377USD, tương đương 22.752.244.368 đồng V Nam và xin miễn toàn bộ tiền lãi; trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ cho nguyên đơn.

Trong các đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 16/11/2019 của ông Quan Phát C **và ngày 20/11/2019 của ông Quan Văn** C **và Quan Tứ** C **là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cùng các lời** KH **trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà Quan Quế Tr đại diện cho Quan Văn** C **và ông Nguyễn Phú** KH **đại diện cho ông Quan Tứ** C **trình bày**:

Quyền sử dụng đất mà Công ty B đã thế chấp cho Ngân hàng, trong đó có quyền sử dụng đất hợp pháp của các ông Quan Văn C, Quan Tứ C và một số hộ dân khác; quyền sử dụng đất hiện nay các hộ dân vẫn còn đứng tên, vẫn sử dụng và canh tác, vì từ trước đến nay chưa có hộ dân nào nhận được Quyết định thu hồi đất và chưa có quyết định giải quyết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. UBND tỉnh Vĩnh Long chưa thực hiện Quyết định số: 317/QĐ-TTg, ngày 10/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Khi Ngân hàng nhận tài sản thế chấp mà không tiến hành khảo sát, tìm hiểu thực tế tài sản trên đất như thế nào mà nhận thế chấp là không đúng quy định pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích

hợp pháp của các hộ dân trong đó có ông Văn C và Tứ C. Do đó, ông KH và bà Tr yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 014/11/HĐTC-BĐS/113-11, ngày 14/10/2012, giữa Ngân hàng D và Công ty BIOFEED 2.

Ông Nguyễn Phú KH đại diện cho Quan Thị B1, Quan Thị NH, Nguyễn Thị Tuyết Trang đại diện cho Quan Thị B1 đều thống nhất ý kiến và quan điểm của ông KH, bà Tr đại diện cho Quan Văn C, Quan Tứ C.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Tào Xíu B không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2021/KDTM-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân TPVL, tỉnh Vĩnh Long đã xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; điểm d khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 355, Điều 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 2, khoản 6 Điều 26; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy B1n thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng D.

Buộc Công ty B2 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng D các khoản tiền sau:

- Tiền gốc: 981.377USD được quy đổi thành tiền đồng V Nam bằng 22.752.244.000đ;

- Tiền lãi: 1.628.485USD được quy đổi thành tiền đồng V Nam bằng 37.754.796.000đ;

Tổng cộng tiền gốc, lãi làm tròn bằng 60.507.040.000đ (Sáu mươi tỷ năm trăm lẻ bảy triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng V Nam).

Thời hạn thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty B2 không thanh toán hoặc thanh toán chưa hết nợ thì Ngân hàng D có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: Các tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 014/11/HĐTC-BĐS/113-11, ngày 14/10/2011, công chứng tại B1n Quản lý các khu công nghiệp, ngày 14/10/2011; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Vĩnh Long, ngày 14/10/2011.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của các ông Quan Văn C, Quan Tứ C, về việc yêu cầu vô hiệu Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 014/11/HĐTC-BĐS/113-11, ngày 14/10/2011, giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng D và bên thế chấp là Công ty B2.

1.3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của ông Quan Phát C về việc yêu cầu vô hiệu Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 014/11/HĐTC-BĐS/113-11, ngày 14/10/2011, giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng D và bên thế chấp là Công ty B2. Ông Phát C được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2.1. Về án phí sơ thẩm

Buộc Công ty B2 chịu 168.507.000đ (Một trăm sáu mươi tám triệu năm trăm lẻ bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp kinh doanh thương mại.

Buộc ông Quan Tứ C chịu 300.000đ (B1 trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Quan Văn C và Quan Phát C.

Ngân hàng D được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 73.848.000đ (Bảy mươi B1 triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004589, ngày 30/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TPVL.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/11/2022 bị đơn Công ty TNHH MTV BIOFFED 2 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại phần lãi suất mà nguyên đơn tính chưa đúng quy định pháp luật và xét lại phần án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngày 11/01/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quan Thị NH, Quan Thị B1, ông Quan Tứ C, Quan Văn C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ hồ sơ vụ án, xem xét tính hợp pháp đối với quyền sử dụng đất của các ông bà và 09 hộ dân lân cận trong vụ án, giải quyết hủy bỏ toàn bộ bản án sơ thẩm, giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành điều tra lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Đại diện ủy quyền của công ty Btrình bày: đồng ý theo yêu cầu của ngân hàng trả cho ngân hàng số tiền gốc 22.752.244.368 đồng, lãi trong hạn 37.208.519 đồng, lãi quá hạn 28.476.879.693 đồng. Tổng cộng 51.266.332.580 đồng.

Đại diện ngân hàng trình bày: Yêu cầu công ty Btrả cho ngân hàng số tiền gốc 22.752.244.368 đồng, lãi trong hạn 37.208.519 đồng, lãi quá hạn 28.476.879.693 đồng. Tổng cộng 51.266.332.580 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đại diện cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày yêu cầu vô hiệu hợp đồng thế chấp giữa ngân hàng và công ty BIOFEED 2. Đồng thời ông Nguyễn Phú KH, bà Quan Quế Tr, ông Quan Tứ C, bà Nguyễn Hồng C2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Trang, ông

Quan Phát C và Quan Nhựt L không chấp hành nội quy phiên tòa theo Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự tự động bỏ về.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Thư ký phiên tòa: Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại các Điều 237, 239 BLTTDS.

Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo đúng quy định Điều 296 BLTTDS.

Tại phiên tòa, trong phần hỏi của Hội đồng xét xử, các đương sự gồm: Quan Tứ C, Nguyễn Thị Tuyết Trang, Nguyễn Phú KH, Quan Nhựt L, Nguyễn Hồng C2, Quan Phát C, Quan Quế Tr không tuân theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa, tự ý bỏ về, không chấp hành nội quy phiên tòa là vi phạm Điều 234 Bộ luật TTDS.

Về nội dung phân tích nội dung chứng cứ và đề nghị:

Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty BIOFEED 2; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Quan Văn C (có bà Quan Quế Tr kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng), ông Quan Tứ C, bà Quan Thị NH, bà Quan Thị B1.

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2021 ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân TPVL, theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán các khoản như sau:

- Nợ gốc 981.377 USD tương đương 22.752.244.368đ.
- Nợ lãi trong hạn 1.605 USD USD tương đương 37.208.519đ.
- Nợ lãi quá hạn 1.228.299 USD tương đương 28.476.879.693đ.

Tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền vốn vay, lãi trong hạn và lãi quá hạn tổng cộng là 2.211.281 USD tương đương 51.266.332.280 đồng.

Áp dụng tiểu mục 1.4 Mục 1 Phần II Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án; Điều 3; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy B1n thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 159.266.332 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Quan Tứ C, bà Quan Thị NH, bà Quan Thị B1 không được chấp nhận kháng cáo nhưng do là người C tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

Riêng ông Quan Văn C đã chết, khi ông Quan Văn C nộp đơn kháng cáo đã được Tòa án TPVL B1n hành thông báo miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc

thẩm nên người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Nguyễn Hồng C2, chị Quan Quế Tr và anh Quan Cảnh K không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH MTV BIOFFED 2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quan Thị NH, Quan Thị B1, ông Quan Tứ C, Quan Văn C còn trong hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Phú KH, bà Quan Quế Tr, ông Quan Tứ C, bà Nguyễn Hồng C2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Trang, ông Quan Phát C và Quan Nhựt L không chấp hành nội quy phiên tòa theo Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự tự động bỏ về nên Hội đồng xét xử tuyên án vắng mặt theo quy định tại Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngân hàng D (gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty TNHH một thành viên B(gọi tắt là công ty BIOFEED 2) ký kết hợp đồng tín dụng trung/dài hạn số 023/11/HĐTD/113-11, sau đó hai bên tiếp tục ký kết các Phụ lục hợp đồng tín dụng số 023-1/11/PLHĐTD/113-11, ngày 14/9/2011; số 023-2/11/PLHĐTD/113-11, ngày 14/10/2011; số 023-3/12/PLHĐTD/113-11, ngày 14/6/2012 và số 01/12/023, ngày 20/6/2012 số tiền gốc ngân hàng cho công ty Bvay 4.275.996 USD (Mỹ), nhưng ngân hàng giải ngân 981.278 USD cho công ty BIOFFED 2 quy ra tiền V Nam là 22.752.244.368 đồng (1 USD = 23.184 đồng), lãi suất 0,95 %. Thực hiện hợp đồng công ty Btrả nợ không đúng hợp đồng nên ngân hàng khởi kiện.

[3] Xét kháng cáo của công ty Bvề việc tính lãi của ngân hàng không đúng quy định của pháp luật là có căn cứ. Tại phiên tòa đại diện ngân hàng điều chỉnh lãi suất và yêu cầu công ty Bgốc 22.752.244.368 đồng, lãi trong hạn 37.208.519 đồng, lãi quá hạn 28.476.879.693 đồng. Tổng cộng 51.266.332.580 đồng. Đại diện công ty Bđồng ý trả cho ngân hàng gốc 22.752.244.368 đồng, lãi trong hạn 37.208.519 đồng, lãi quá hạn 28.476.879.693 đồng nên ghi nhận sự thỏa thuận trên, sửa 1 phần bản án sơ thẩm về lãi suất.

[4] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quan Thị NH, Quan Thị B1, Quan Tứ C, ông Quan Văn C yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển cơ quan điều tra là chưa có căn cứ bởi lẻ, cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản công ty Bthế chấp cho ngân hàng Quốc Dân quyền sử dụng đất thửa 1537, diện tích 30.045,9

m^2 tọa lạc tại ấp Sơn Đông, xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Công ty Bđược cấp quyền sử dụng đất theo quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 04/7/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long về việc thu hồi và giao 30.045,9 m^2. Thửa 1537 trước đây có quyền dử dụng đất của ông Quan Tứ C, ông Quan Văn C, Tào Xíu B, bà Quan Thị B1, ông Quan Phát C, bà Nguyễn Thị Tuyết M và một số hộ dân khác giao cho B1n quản lý dự án các khu công nghiệp Vĩnh Long quản lý để xây dựng khu 4 tuyến công nghiệp Cổ Chiên đã được Nhà nước bồi hoàn, sau khi thu hồi đất ông Quan Văn C khởi kiện quyết định hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, sau đó ông C rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đình chỉ giải quyết vụ án, ông Quan Tứ C khởi kiện và được Tòa án nhân dân cấp C giải quyết bằng bản án phúc thẩm số 213/2020/HC-PT ngày 22/6/2020 xác định tính hợp pháp về hình thức, về nội dung, thẩm quyền B1n hành quyết định và giá trị đền bù phù hợp quy định của pháp luật, như vậy thửa đất 1537 cấp cho công ty Blà đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng , chứng thực, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Vĩnh Long là đúng quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên chấp nhận một phần kháng cáo của công ty Bvà không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Quan Thị NH, bà Quan Thị B1, ông Quan Tứ C, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Quan Văn C, chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[5] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên điều chỉnh án phí sơ thẩm công ty Bphải nộp cụ thể theo tỷ lệ trên số tiền 51.266.332.580 đồng là 159.266.300 đồng.

[6] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Bkhông phải nộp, số tiền công ty Bnộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo lai thu số 000962 ngày 17/01/2022 sẽ được khấu trừ vào án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; bà Quan Thị NH, bà Quan Thị B1, ông Quan Tứ C, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Quan Văn C không phải nộp do sửa án sơ thẩm.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH MTV BIOFFED 2; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quan Thị NH, Quan Thị B1, ông Quan Tứ C, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Quan Văn C, sửa một phần án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; điểm d khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố

tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 300, 355, Điều 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 2, khoản 6 Điều 26; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy B1n thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng D.

Buộc Công ty B2 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng D các khoản tiền sau:

- Tiền gốc: 981.377 USD được quy đổi thành tiền đồng V Nam bằng 22.752.244.368 đồng;

- Tiền lãi trong hạn: 37.208.519 đồng;

- Tiền lãi quá hạn: 28.476.879.693 đồng;

Tổng cộng tiền gốc, lãi tính đến ngày 31/12/2021 bằng 51.266.332.580 đồng (Năm mươi mốt tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu B1 trăm B1 mươi hai ngàn năm trăm tám mươi đồng).

Công ty B2 tiếp tục trả lãi, theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 01/01/2022 đến khi thanh toán xong nợ.

[2] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty B2 nộp số tiền 159.266.300 đồng, được khấu trừ số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo lai thu số 000962 ngày 17/01/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Số tiền còn lại phải nộp là 157.266.300 đồng (một trăm năm mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn B1 trăm đồng).

[3] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Bkhông phải nộp; bà Quan Thị NH, bà Quan Thị B1, ông Quan Tứ C, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Quan Văn C không phải nộp do sửa án sơ thẩm.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp C: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chánh án: 01;
- TAND TPVL: 01;
- THADS TPVL: 01;
- Các đương sự;
- Lưu: 06;

Nguyễn Thành Đăng